| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Đ**<br>**TỈNH LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/6/2018
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG - TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc

2. Ông Cao Đình Nhân

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ không tham gia phiên toà***.

Ngày 5 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 172/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Thái Thị V, sinh năm 1973.

Trú tại: Xóm 3, thôn T T, xã T H, huyện Đ, Lâm Đồng.

*2. Bị đơn*: Ông Trần N, sinh năm 1973.

Trú tại: Xóm 3, thôn T T, xã T H, huyện Đ, Lâm Đồng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn bà Thái Thị V trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa trình bày*: Bà và ông Trần N chung sống với nhau từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không có sự hòa hợp, không còn tin tưởng lẫn nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được . Nay bà xác định tình

cảm không còn, không thể tiếp tục cuộng sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Trần N.

Về con chung: ông bà có 03 con chung tên Trần N T, sinh ngày 01/6/1995, Trần T B N, sinh ngày 05/11/1998 và Trần Ng H, sinh ngày 17/02/2002. Khi Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ng H cho đến khi con chung đến tuổi thành niên, không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng các con chung Trần N T, Trần T B N đã thành niên sống với ai tùy các con chugn quyết định.

Về tài sản chung, nợ chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Trần N trình bày:* ông thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa ông bà không có đăng ký kết hôn như bà V trình bày. Quá trình sống chung thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bà V không có trách nhiệm với gia đình, ông đã góp ý nhiều lần nhưng không sửa đổi nên giữa ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nay ông xác định không thể tiếp tục cuộc sống chung nên theo yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà V ông đồng ý.

Về con chung: ông thừa nhận có 03 con chung như bà V trình bày. Khi Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng ông đồng ý giao con chung Trần Ng H cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đến tuổi thành niên. Riêng các con Trần N T, Trần T B N đã thành niên sống với ai tùy các con chugn quyết định.

Về tài sản chung, nợ chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về con chung.

*Tại phiên tòa hôm nay,*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Đây là vụ án *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* giữa nguyên đơn bà Thái Thị V và bị đơn ông Trần N theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Thái Thị V và ông Trần N chung sống với nhau từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nguyên nhân do các bên không còn tin

tưởng, tôn trọng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, hiện nay ông bà tự chấm dứt cuộc sống chung và có yêu cầu tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng. Xét thấy theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quan hệ hôn nhân giữa ông, bà không được pháp luật công nhận cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Thái Thị V và ông Trần N.

[3] Về con chung: ông bà có 03 con chung tên Trần N T, sinh ngày 01/6/1995, Trần T B N, sinh ngày 05/11/1998 và Trần Ng H, sinh ngày 17/02/2002 hai bên thỏa thuận bà Thái Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ng H cho đến khi con chung đến tuổi thành niên. Xét việc tự thỏa thuận này là tự nguyện nên cần ghi nhận. Riêng các con chung Trần N T, Trần T B N đã thành niên sống với ai tùy các con chung quyết định. Bà Thái Thị V không yêu cầu ông Trần N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: hai bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: bà Thái Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9, 14, 71; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 7 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 200, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Thái Thị V và ông Trần N.

2. Về con chung: giao con chung tên Trần Ng H, sinh ngày 17/02/2002 cho bà Thái Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đến tuổi thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Thái Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0007478 ngày 20/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Thái Thị V nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*Nơi nhận*:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA DS huyện Đ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Tâm**